

TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI
ĐỀ THI THỬ LẦN I
(Đề thi có 04 trang)

KÌ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017
BÀI THI KHOA HỌC XÃ HỘI
MÔN ĐỊA LÍ 12

Thời gian làm bài: 50 phút

(Không kể thời gian giao đề)

Mã đề thi 102

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng không giáp biển

- A. Thái Bình B. Ninh Bình C. Hải Dương D. Nam Định

Câu 2. So với các vùng trong cả nước, Trung du miền núi Bắc Bộ có thế mạnh lớn nhất về:

- A. phát triển tổng hợp kinh tế biển
B. nền nông nghiệp nhiệt đới
C. tài nguyên rừng và việc phát triển lâm nghiệp
D. khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện

Câu 3. Hệ sinh thái rừng ngập mặn điển hình nhất của nước ta tập trung chủ yếu ở

- A. Nam Trung Bộ B. Bắc Bộ C. Nam Bộ D. Bắc Trung Bộ

Câu 4. Vùng đồi núi Bắc Trung Bộ có thế mạnh về

- A. chăn nuôi trang trại với quy mô lớn
B. phát triển chuyên canh quy mô lớn
C. chăn nuôi đại gia súc
D. phát triển sản xuất lương thực

Câu 5. Với diện tích feralit lớn, nên Trung du và miền núi Bắc Bộ thích hợp để:

- A. phát triển công nghiệp khai khoáng
B. phát triển rừng và các hoạt động du lịch
C. trồng các cây ăn quả, cây công nghiệp, cây dược liệu
D. Trồng cây lương thực, cây rau màu, cây dược liệu

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí trang 15 cho biết, các đô thị đặc biệt ở nước ta là:

- A. TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng
B. Hà Nội, Hải Phòng

- C. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh
D. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh

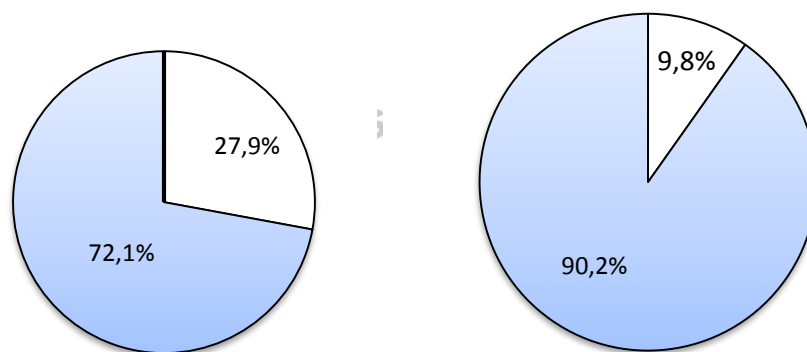
Câu 7. Nhận xét nào sau đây đúng với đặc điểm quá trình đô thị hoá ở nước ta?

- A. phân bố đô thị không đồng đều giữa các vùng
B. đô thị hoá ở nước ta diễn ra nhanh
C. dân thành thị chiếm tỉ lệ cao trong tổng số dân
D. trình độ đô thị hoá cao

Câu 8. Việc đảm bảo an toàn thực phẩm ở nước ta là cơ sở để

- A. đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp
B. chuyển dịch cơ cấu vật nuôi
C. tạo nguồn dự trữ lương thực quốc gia
D. phát triển các hoạt động công nghiệp

Câu 9. Cho biểu đồ



Bắc Trung Bộ

Duyên hải Nam Trung Bộ



Khai thác



Nuôi trồng

QUY MÔ VÀ CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA BẮC TRUNG BỘ VÀ
DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ NĂM 1012

Đơn vị: %

Nhận xét nào sau đây không đúng với sự thể hiện của biểu đồ trên

- A. Tỷ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng của mỗi vùng nhỏ hơn tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác.
B. Sản lượng thủy sản của Bắc Trung Bộ lớn hơn DH Nam Trung Bộ

C. Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác của mỗi vùng lớn hơn tỷ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng

D. Sản lượng thủy sản của Bắc Trung Bộ nhỏ hơn DH Nam Trung Bộ

Câu 10. Các tuyến giao thông có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta là

- A. các tuyến giao thông hàng hải, hàng không quốc tế
- B. các tuyến đường ngang nối đồng bằng với trung du miền núi
- C. các tuyến giao thông vận tải Bắc – Nam
- D. các tuyến vận tải chuyên môn hoá

Câu 11. Chiến lược tiếp theo đối với quá trình công nghiệp hoá nước ta là

- A. phát triển các ngành công nghiệp khai thác
- B. phát triển các ngành công nghiệp điện, ga, nước
- C. phát triển đồng đều các ngành công nghiệp
- D. ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chế biến

Câu 12. Đặc điểm nào sau đây không đúng với hoạt động của gió mùa Đông Bắc ở nước ta:

- A. tạo nên mùa đông có đến 2, 3 tháng lạnh ở miền Bắc
- B. chỉ hoạt động ở miền Bắc
- C. Thổi liên tục suốt mùa đông
- D. hầu như kết thúc bởi bức chắn dãy Bạch Mã

Câu 13. Ý nghĩa của việc khai thác thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tạo động lực mới cho sự phát triển của vùng
- B. di dời các hộ dân cư đến địa bàn sinh sống mới
- C. cải tạo thiên nhiên, phân bố lại diện tích rừng
- D. phát triển tham quan du lịch sinh thái

Câu 14. Ý nghĩa quan trọng nhất trong việc đẩy mạnh sản xuất lương thực của nước ta là

- A. cải thiện cơ cấu bữa ăn
- B. đảm bảo an ninh quốc phòng
- C. đảm bảo nhu cầu lương thực cho nhân dân
- D. tạo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến

Câu 15. Tiềm năng lớn nhất về đánh bắt thủy hải sản của duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. bờ biển nhiều vũng vịnh, đầm phá
- B. hoạt động chế biến thủy hải sản ngày càng đa dạng
- C. vùng biển nhiều nắng, gió, độ mặn nước biển cao
- D. tỉnh nào cũng có bãi tôm, cá, nhiều ngư trường lớn

Câu 16. Nhận xét nào sau đây không đúng với đặc điểm của lao động nước ta

- A. nguồn lao động tăng nhanh
- B. người lao động còn thiếu tác phong công nghiệp
- C. lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật chiếm tỉ lệ cao
- D. nguồn lao động dồi dào

Câu 17. Ở nước ta, vùng có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất là:

- A. Tây Nguyên
- B. Đồng bằng sông Hồng và vùng lân cận
- C. Duyên hải miền Trung
- D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 18. Cho bảng số liệu

Nhiệt độ trung bình năm ở một số địa điểm ở nước ta

Địa điểm	Hà Nội	Huế	Quy Nhơn	Tp. Hồ Chí Minh
Nhiệt độ trung bình năm (°C)	23.5	25.1	26.8	27.1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015, NXB Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây không đúng với bảng số liệu

- A. Nhiệt độ trung bình năm của các địa điểm có xu hướng giảm dần từ Bắc vào Nam
- B. Nhiệt độ trung bình năm của các địa điểm đều cao, đạt tiêu chuẩn khí hậu nhiệt đới
- C. Nhiệt độ trung bình năm của các địa điểm có xu hướng tăng dần từ Bắc vào Nam
- D. Nhiệt độ trung bình năm của các địa điểm có sự chênh lệch

Câu 19. Đặc trưng nào sau đây không phải của nền nông nghiệp hiện đại

- A. phần lớn sản phẩm đáp ứng nhu cầu tại chỗ
- B. sản xuất hàng hoá, chuyên môn hoá
- C. sản xuất quy mô lớn, sử dụng nhiều máy móc
- D. năng suất lao động cao

Câu 20. Loại hình vận tải nào dưới đây có khối lượng luân chuyển hàng hoá lớn nhất

- A. Đường bộ
- B. Đường sông
- C. Đường biển
- D. Đường sắt

Câu 21. Miền Nam từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau có thời tiết đặc trưng là gì

A. nóng, khô

B. lạnh, khô

C. lạnh, ẩm

D. nóng, ẩm

Câu 22. Phần lớn nguyên liệu phục vụ cho sự phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng đều phải đưa từ các vùng khác đến là do nguyên nhân nào sau đây?

A. là vùng phát triển công nghiệp nhất cả nước nên nhu cầu nguyên liệu lớn

B. chủ trương tiết kiệm nguyên liệu trong vùng, phục vụ cho chiến lược lâu dài

C. thiếu nguyên liệu cho sự phát triển công nghiệp

D. trong vùng có nhiều ngành công nghệ cao sử dụng nhiều nguyên liệu

Câu 23. Nhận định nào dưới đây chính xác nhất về địa hình Việt Nam?

A. địa hình đồng bằng chiếm diện tích lớn nhất

B. tỉ lệ giữa ba nhóm địa hình trên tương đương nhau

C. địa hình cồn cát chiếm diện tích lớn

D. địa hình đồi núi chiếm diện tích lớn

Câu 24. Trung du miền núi Bắc Bộ là vùng chẻ lớn nhất cả nước nguyên nhân chính là do

A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, diện tích rộng

B. đất feralit chiếm diện tích lớn

C. nguồn nước tưới dồi dào quanh năm

D. địa hình núi cao, khí hậu cận nhiệt và ôn đới

Câu 25. Đặc trưng nổi bật của thời tiết miền Bắc vào đầu đông là

A. lạnh, trời mưa, âm u, nhiều mây

B. lạnh, khô, trời quang mây

C. lạnh, ẩm

D. ẩm, khô

Câu 26. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng được thực hiện theo hướng

A. phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ

B. phát triển cây công nghiệp lâu năm

C. đẩy mạnh nuôi trồng và khai thác thủy sản

D. nâng cao tay nghề cho người lao động trong sản xuất nông nghiệp

Câu 27. Thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian ở Bắc Trung Bộ từ Tây sang Đông là kết quả của việc hình thành cơ cấu các ngành

A. tổng hợp kinh tế biển

- B. nông - lâm - ngư nghiệp
- C. công nghiệp và xây dựng
- D. công nghiệp và dịch vụ

Câu 28. Tập đoàn cây vụ đông được phát triển mạnh ở Đồng Bằng sông Hồng là do

- A. nguồn nước phong phú
- B. khí hậu có 3 tháng mùa đông lạnh.
- C. ít có thiên tai
- D. đất đai màu mỡ

Câu 29. Việc phân bố lại dân cư và lao động của nước ta giữa các vùng rất cần thiết vì

- A. sự phân bố dân cư của nước ta không đều và chưa hợp lí
- B. tỷ lệ thiếu việc làm và thất nghiệp của nước ta hiện còn cao
- C. nguồn lao động nước ta còn thiếu tác phong công nghiệp
- D. dân cư nước ta đông và sống phân tán

Câu 30. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 15, đô thị nào dưới đây thuộc đồng bằng sông Hồng có dân số trên 1 triệu người

- A. Hải Phòng B. Thái Bình C. Nam Định D. Hải Dương

Câu 31. Điều kiện nào sau đây cho phép nước ta phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới

- A. Dân cư và nguồn lao động
- B. Cơ sở vật chất kĩ thuật trong nông nghiệp
- C. Yếu tố thị trường
- D. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

Câu 32. Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng căn bản đến cơ cấu mùa vụ và cơ cấu sản phẩm nông nghiệp ở nước ta

- A. chủ trương phát triển một nền nông nghiệp hiện đại
- B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và sự phân hoá theo độ cao
- C. vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á
- D. phong tục, tập quán sản xuất của người dân

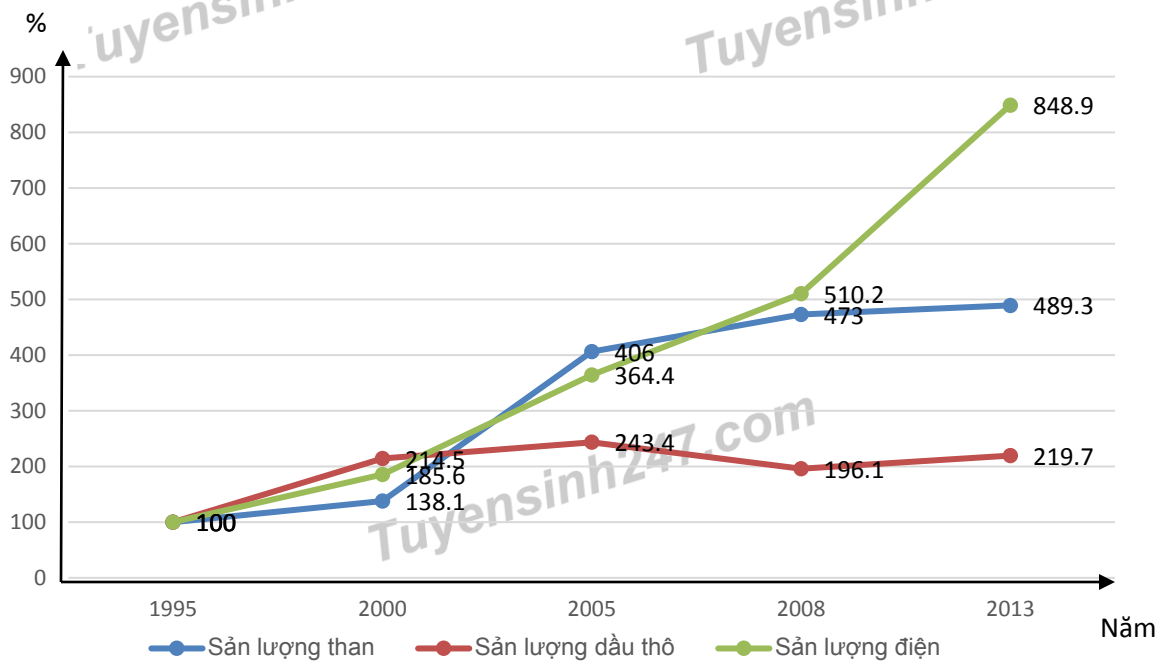
Câu 33. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển của nước ta là vùng

- A. đặc quyền kinh tế B. tiếp giáp lãnh hải
- C. lãnh hải D. thềm lục địa

Câu 34. Những ngành nào sau đây không phải là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta

- A. luyện kim, khai thác quặng mỏ
- B. vật liệu xây dựng, cơ khí, điện tử
- C. năng lượng, hoá chất
- D. chế biến lương thực thực phẩm, dệt may

Câu 35. Cho biểu đồ



Biểu đồ trên thể hiện

- A. tốc độ tăng trưởng về sản lượng của các sản phẩm than, dầu thô, điện qua các năm
- B. cơ cấu sản lượng của ngành công nghiệp năng lượng qua các năm
- C. sản lượng than, dầu thô và sản lượng điện của nước ta qua các năm
- D. quy mô lượng than, dầu thô và sản lượng điện của nước ta qua các năm

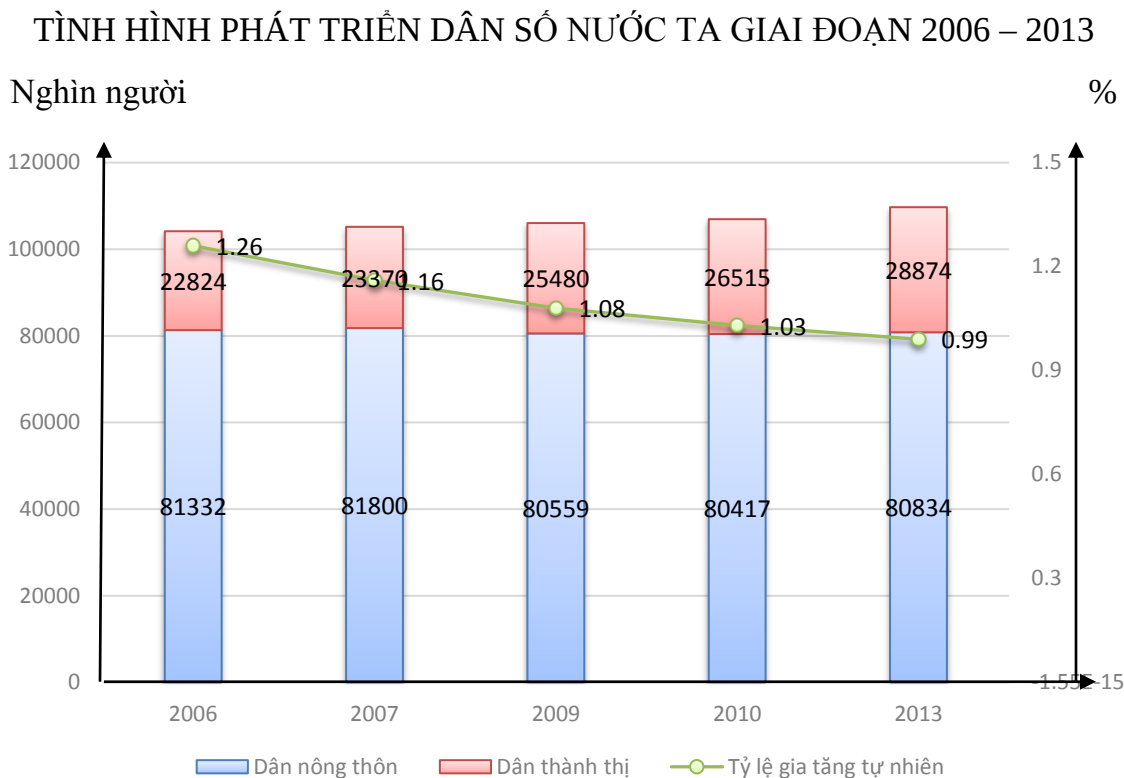
Câu 36. Căn cứ vào Atlas địa lý Việt Nam trang 15, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi cơ cấu lao động đang làm việc phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 1995 – 2007

- A. tỉ trọng lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế đều tăng
- B. giảm tỉ trọng lao động đang làm việc trong các ngành dịch vụ và công nghiệp - xây dựng

C. tỉ trọng lao động đang làm việc trong các ngành nông, lâm, thủy sản luôn chiếm cao nhất

D. tỉ trọng lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế đều giảm

Câu 37. Cho biểu đồ



Hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng với sự thể hiện của biểu đồ trên

- A. dân số nông thôn cao hơn thành thị và liên tục tăng
- B. tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta giảm
- C. dân số thành thị vẫn còn thấp so với dân nông thôn
- D. dân số thành thị nước ta liên tục tăng

Câu 38. Cho bảng số liệu

Dân số trung bình phân theo giới tính của nước ta qua các năm từ 1990 đến 2014

(Đơn vị : nghìn người)

Năm	1990	1995	2000	2005	2010	2014
Tổng số	66017	71995	77631	82392	86947	90729
Nam	32203	35237	38165	40522	42993	44758
Nữ	33814	36758	39446	41870	43954	45971

Lựa chọn biểu đồ nào sau đây để thể hiện thích hợp nhất sự thay đổi cơ cấu dân số phân theo giới tính của nước ta qua các năm từ 1990 đến 2014

- A. Biểu đồ kết hợp giữa cột và đường
- B. Biểu đồ miền
- C. Biểu đồ cột nhóm
- D. Biểu đồ đường biểu diễn

Câu 39. Trên đất liền, lãnh thổ nước ta tiếp giáp với quốc gia nào dưới đây

- A. Thái Lan, Lào, Mianma
- B. Trung Quốc, Thái Lan, Mianma
- C. Lào, Campuchia, Thái Lan
- D. Trung Quốc, Lào, Campuchia

Câu 40. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 15, đô thị nào dưới đây thuộc đồng bằng sông Cửu Long có số dân từ 50 vạn đến 1 triệu người

- A. Mỹ Tho
- B. Cà Mau
- C. Cần Thơ
- D. Long Xuyên

HẾT

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com